

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2020/HSST

Ngày: 10 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú

Bà Nguyễn Thị Thịnh

- Thư ký phiên toà: Bà Quách Thị Tuyết – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 125/2020/TLST - HS ngày 21 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXXST - HS ngày 26/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn S, sinh năm 1989 tại Thái Nguyên (Tên gọi khác: Không); Nơi cư trú: Xóm x, xã CV, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn D (đã chết) và bà Trịnh Thị T (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bản án số 15 ngày 28/6/2017 của TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng S xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 19/9/2018; Tiền sự: Chưa có; Nhân thân: - Ngày 16/7/2002 bị UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng. - Bản án số 171 ngày 28/8/2007 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. - Bản án số 68 ngày 19/12/2008 của TAND thị xã Bắc Cạn, tỉnh Bắc Cạn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. - Bản án số 68 ngày 21/9/2011 của TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 09/6/2020 bị cáo Trần Văn S bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Trần Văn S bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bắt tạm giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Bị hại: Chị Tạ Thị Tuyết M, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Phố TT, phường NS, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 19xx.

Nơi ĐKHKTT: Xóm CL, xã CL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- Anh Trần Thành Đ, sinh năm 19xx.

Nơi ĐKHKTT: Xã AK, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 19xx (Vắng mặt).

Anh Chu Công T, sinh năm 19xx (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn S là đối tượng nghiện ma túy. Ngày 15/3/2020 Trần Văn S đến thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên chơi, do hết tiền tiêu sài cá nhân nên S nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản, S gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ là người quen từ trước hỏi thuê xe taxi, Đ bảo S đến phòng trọ của Đ tại phường Đồng Tiến, thành phố Thái Nguyên. Tại đây S hỏi Đ “Thuê xe đi về Ninh Bình hết bao nhiêu tiền”, Đ nói với S “Giá thuê xe taxi là một triệu đồng, tiền lái xe trả bao nhiêu thì trả”, S đồng ý. Sau đó Đ bảo Trần Văn Đ sinh năm 19xx trú tại phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên là lái xe thuê cho Đ lấy xe taxi biển kiểm soát xxA - xxx. xx của Đ chở S đi. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 16/3/2020, Đ chở S về đến thành phố Ninh Bình, S bảo Đ đi tìm nhà nghỉ thuê nghỉ qua đêm thì Đ chở S đến nhà nghỉ Thành Đạt ở phố Bình Chương, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình thuê phòng ngủ, đến sáng ngày 16/3/2020 S lấy lý do đi tìm bạn lấy tiền trả tiền taxi cho Đ và bảo Đ chở đi lòng vòng trên các tuyến đường ở thành phố Ninh Bình, đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày khi đến Chợ Ròng, phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình, S bảo Đ đỗ xe ở lề đường chờ, còn S đi bộ vào trong Chợ quan sát thấy Kiốt số 1 bán hàng tạp hóa của chị Tạ Thị Tuyết M sinh năm 1979 trú tại phố TT, phường NS, thành phố Ninh Bình, không khóa chỉ có 01 chiếc ghế chặn ngang cửa còn chị M đang ngủ ở ghế xếp trong Kiốt nên S dùng tay nhấc chiếc ghế chặn cửa Kiốt đặt sang một bên đi vào bên trong dùng tay phải lấy 01 chiếc túi sách màu đen của chị M để trong ngăn tủ kính rồi đi ra chỗ xe ô tô taxi bảo Đ chở về nhà nghỉ

Thành Đạt thanh toán tiền phòng, lấy đồ đạc ra xe taxi S bảo Đ chở về thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Khi ra khỏi nhà nghỉ Thành Đạt khoảng 300 đến 400m, S mở túi xách kiểm tra bên trong có 01 chiếc ví màu đỏ có 30.000.000 đồng, 01 thẻ ATM, 01 thẻ căn cước công dân, 01 đăng ký xe mô tô, S lấy 30.000.000 đồng còn túi xách, ví, thẻ ATM, căn cước công dân, đăng kí xe mô tô S vất xuống đường. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi về đến thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, S thanh toán tiền taxi cho anh Đ hết 2.000.000 đồng, số tiền còn lại S mua ma túy sử dụng và tiêu sài vào mục đích cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số 123/CT-VKS ngày 18/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố: Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho chị Tạ Thị Tuyết M số tiền 30 triệu đồng.

Bị cáo S phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn S không có ý kiến gì về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; biên bản sao trích dữ liệu camera và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 20 phút tại Ki ốt số 1 chợ Ròng,

phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình. Bị cáo Trần Văn S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc túi xách màu đen của chị Tạ Thị Tuyết M để trong quầy hàng, bên trong túi xách có 01 chiếc ví màu đỏ có 30.000.000 đồng, 01 thẻ ATM, 01 thẻ căn cước công dân, 01 đăng ký xe mô tô.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng cho quần chúng nhân dân. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố bị cáo theo Khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo đã nhiều lần bị Toà án xét xử về tội Trộm cắp tài sản; UBND tỉnh Thái Nguyên Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng. Do đó, xác định bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án số 15 ngày 28/6/2017 của TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo ra trại ngày 19/9/2018, chưa được xoá án tích bị cáo tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người trưởng thành, nhưng không có ý thức lao động chân chính, bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản. Nhưng không lấy đó làm bài học rèn luyện bản thân, làm ăn lương thiện mà tiếp tục cố ý phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo thành công dân tốt, đồng thời nhằm giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung.

[6] Các vấn đề khác: Đối với 01 chiếc túi xách màu đen, 01 chiếc ví màu đỏ, 01 thẻ ATM, 01 thẻ căn cước công dân, 01 đăng ký xe mô tô của chị Tạ Thị Tuyết M do Trần Văn S trộm cắp và sau đó vứt ở dọc đường, nhưng do bị cáo không nhớ địa điểm cụ thể, Cơ quan điều tra đã tích cực truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với Nguyễn Văn Đ là người bảo Trần Văn Đ dùng xe taxi của Đ chở bị cáo S đi thành phố Ninh Bình, nhưng Đ và Đ không biết bị cáo đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý đối với Đ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 30.000.000 đồng bị cáo trộm cắp của chị M, bị cáo đã tiêu sài hết. Tại cơ quan Công an, chị Tạ Thị Tuyết M yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Đối với các tài sản khác như túi xách, ví đã cũ hỏng không có giá trị sử dụng; thẻ ATM, căn cước công dân và đăng ký xe mô tô chị M đã làm lại được nên chị M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo giá ngạch (30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng).

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho chị Tạ Thị Tuyết M số tiền 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị Thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn S phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNDTP Ninh Bình;
- Chi Cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- THA hình sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết